

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 62



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

156 Hoa Lan, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 415 tỷ VND, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty CII”). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 66,99%.

Tên Công ty viết tắt là: CII E&C.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: CEE.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 156 Hoa Lan, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Phạm Vũ Thúc	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Phùng Văn Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông Ngô Đình Thành	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2019)

Ban Kiểm soát

Ông Lưu Hải Ca	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phùng Văn Hiền	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc và trở thành Tổng Giám đốc ngày 8 tháng 8 năm 2019)
Ông Ngô Đình Thành	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2019)
Ông Phạm Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc thường trực (bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2019)
Ông Trần Đình Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2019)
Ông Nguyễn Trường Thanh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 8 tháng 5 năm 2019)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 21 tháng 1 năm 2020, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội đã thông báo mua lại trước hạn trái phiếu HNHC_17 mà Công ty đang nắm giữ (đáo hạn ngày 19 tháng 5 năm 2022) với giá trị 120 tỷ VND. Đến ngày 28 tháng 2 năm 2020, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội đã hoàn tất thực hiện việc mua lại trái phiếu này.

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Số: 408/2020/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2020, từ trang 5 đến trang 62, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



M.S.D.N: 0101917917
CÔNG TY
TNHH
KIỂM TOÁN
CPA VIETNAM
TP. HÀ NỘI - VIỆT NAM

Phan Huy Thăng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1
Giấy Ủy quyền số: 13/2020/UQ-CPAVIETNAM
ngày 26/03/2020 của Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network
Tp. Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020



Nguyễn Thị Ngọc Châm
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2980-2019-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.797.816.500.149	1.882.727.910.556
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	83.107.993.308	36.115.978.855
1. Tiền	111		78.107.993.308	36.115.978.855
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		120.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	120.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		964.316.288.346	1.104.737.172.888
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	182.543.541.103	197.153.502.374
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	111.501.870.062	143.176.573.675
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	441.490.783.929	553.786.736.375
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6a	251.567.713.826	215.547.995.105
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(22.787.620.574)	(4.927.634.641)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	622.968.688.021	736.066.056.463
1. Hàng tồn kho	141		622.968.688.021	736.066.056.463
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.423.530.474	5.808.702.350
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9a	1.083.640.556	1.061.236.341
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.339.889.918	4.747.466.009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		81.363.712.854	322.351.529.189
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.632.908.444	24.129.486.444
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6b	1.632.908.444	24.129.486.444
II. Tài sản cố định	220		26.395.724.948	101.670.220.090
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	24.362.011.740	74.548.490.710
- Nguyên giá	222		84.721.110.059	148.059.096.822
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.359.098.319)	(73.510.606.112)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.11	1.795.833.354	19.486.187.953
- Nguyên giá	225		2.040.909.091	26.321.636.347
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(245.075.737)	(6.835.448.394)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	237.879.854	7.635.541.427
- Nguyên giá	228		619.000.000	8.767.531.506
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(381.120.146)	(1.131.990.079)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.13	4.997.156.733	4.997.156.733
- Nguyên giá	231		5.836.987.368	5.836.987.368
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(839.830.635)	(839.830.635)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	997.272.727
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	997.272.727
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	120.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	120.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		48.337.922.729	70.557.393.195
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9b	21.226.960.651	38.928.226.215
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.14a	2.393.073.732	2.417.117.116
3. Lợi thế thương mại	269	5.15	24.717.888.346	29.212.049.864
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.879.180.213.003	2.205.079.439.745

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.475.211.355.862	1.735.037.755.512
I. Nợ ngắn hạn	310		1.454.661.763.383	1.476.301.245.492
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.16	163.574.930.079	270.754.929.813
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.17	468.497.064.188	433.742.730.562
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.18	8.889.392.957	19.952.021.914
4. Phải trả người lao động	314		1.338.336.625	4.385.924.074
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.19	15.174.615.557	6.683.530.741
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20	34.198.608.615	37.317.933.708
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21a	762.988.815.362	701.936.649.072
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	1.527.525.608
II. Nợ dài hạn	330		20.549.592.479	258.736.510.020
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.21b	18.538.393.327	258.686.618.031
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.14b	2.011.199.152	49.891.989
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		403.968.857.141	470.041.684.233
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.22	403.968.857.141	470.041.684.233
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		415.000.000.000	415.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.000.000.000	415.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		400.000.000	400.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(39.818.367.279)	(39.818.367.279)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.667.692.056	8.878.207.573
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.719.532.364	85.406.105.805
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		85.365.764.511	82.969.890.810
- (Lỗ sau thuế)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(64.646.232.147)	2.436.214.995
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	175.738.134
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.879.180.213.003	2.205.079.439.745

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc



Phùng Văn Hiền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.23	684.542.782.435	1.183.784.847.430
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.23	-	44.707.349
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	5.23	684.542.782.435	1.183.740.140.081
4. Giá vốn hàng bán	11	5.24	640.352.159.095	1.088.021.557.323
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		44.190.623.340	95.718.582.758
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.25	57.241.718.050	57.285.306.001
7. Chi phí tài chính	22	5.26	96.760.030.318	69.032.939.281
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		81.745.183.886	69.019.864.514
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	5.27	3.456.713.804	5.096.018.078
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.28	52.268.229.540	52.037.599.518
11. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		(51.052.632.272)	26.837.331.882
12. Thu nhập khác	31	5.29	129.216.571	525.495.300
13. Chi phí khác	32	5.30	7.746.045.481	3.588.422.766
14. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(7.616.828.910)	(3.062.927.466)
15. (Lỗ)/Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(58.669.461.182)	23.774.404.416
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.31	3.103.280.455	19.810.758.093
17. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52	5.14	1.985.350.547	(221.176.879)
18. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(63.758.092.184)	4.184.823.202
19. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(63.758.727.602)	4.169.299.928
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		635.418	15.523.274
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.33	(1.614)	88

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc



Phùng Văn Hiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS TM	Năm	
		2019	2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ)/Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(58.669.461.182)	23.774.404.416
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT và phân bổ lợi thế thương mại	02	17.414.318.277	21.157.800.639
Các khoản dự phòng	03	18.124.094.433	51.965.484
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	354.064
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(42.946.822.771)	(56.718.132.274)
Chi phí lãi vay	06	81.745.183.886	69.019.864.514
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	15.667.312.643	57.286.256.843
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(182.679.680.451)	76.834.986.220
Tăng hàng tồn kho	10	(134.206.143.706)	(28.257.042.411)
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	247.705.519.199	41.672.743.232
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	10.738.249.255	(268.171.395)
Giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	161.001
Tiền lãi vay đã trả	14	(81.323.795.610)	(67.406.150.554)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.261.643.974)	(12.841.446.825)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	14.500.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.444.426.660)	(4.729.342.690)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(143.804.609.304)	62.306.493.421
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(781.159.704)	(4.457.470.059)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	12.150.035.196	614.545.546
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(736.629.201.758)	(830.298.538.751)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	852.674.239.039	474.085.992.434
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	88.214.959.207	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	55.348.844.247	48.816.292.095
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	270.977.716.227	(311.239.178.735)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2019	Năm 2018
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(39.818.367.279)
2. Tiền thu từ đi vay	33	6	713.636.405.332	1.878.901.632.931
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6	(783.887.470.495)	(1.606.450.039.960)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(9.912.027.307)	(9.274.071.612)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.000.000)	(40.658.485.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(80.181.092.470)	182.700.668.980
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		46.992.014.453	(66.232.016.334)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.01	36.115.978.855	102.348.349.253
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(354.064)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5.01	83.107.993.308	36.115.978.855

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Nguyễn Thị Bích Thảo

Bùi Xuân Phước

Phùng Văn Hiền

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 415 tỷ VND, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty CII”). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 66,99%.

Tên Công ty viết tắt là: CII E&C.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: CEE.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 156 Hoa Lan, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công nghệ công trình giao thông theo hình thức hợp đồng B.O.T; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; công trình công ích; cho thuê máy móc, thiết bị; khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; sản xuất bê tông và các thành phẩm từ xi măng, thạch cao; tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; sản xuất vật liệu xây dựng, gia công dầm cầu thép, cầu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác; sửa chữa máy móc, thiết bị thi công; phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là thi công xây lắp; cho thuê máy móc thiết bị; khai thác sản xuất đá, gạch; mua bán vật tư xây dựng.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4. Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐQT về việc tăng thêm vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi lên 75.000.000.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã góp đủ vốn tăng thêm vào công ty con này.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ 7.800.000 cổ phần đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia với tổng giá trị là 80.640.000.000 VND.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, Công ty đã chuyển nhượng thành công toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C với tổng giá trị là 9.862.710.000 VND.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đang đầu tư vào các công ty con như sau:

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Hoạt động chính
		lợi ích	quyền biểu quyết	
		(%)	(%)	
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi ("NQN")	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá
2. Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG ("CII E&C - BM")	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

(Trước đây là Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C)

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và các Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Theo kế hoạch sáp nhập vào Công ty mẹ đã được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông ngày 24 tháng 12 năm 2018, Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây dựng CII E&C cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục. Tuy nhiên do Công ty mẹ cam kết sẽ kế thừa tất cả các nghĩa vụ, quyền và lợi ích đối với tất cả tài sản và nợ phải trả sau khi sáp nhập nên Báo cáo tài chính của công ty con này đã được điều chỉnh và trình bày trên cơ sở hoạt động liên tục để phục vụ cho việc hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được ghi nhận là một loại tài sản dài hạn trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ khoản lợi thế thương mại này.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (tiền): Đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.
- Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (nợ phải thu): Đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.
- Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn từ sau ngày mua được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Lãi và các khoản lợi ích khác mà Công ty được hưởng trước khi nắm giữ khoản đầu tư được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu về cho vay là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013; Thông tư 147/2016/TT-BTC hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi Thông tư 45/2013/TT-BTC về trích khấu hao tài sản cố định hiệu lực từ 28/11/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ, quản lý, sử dụng, và trích khấu hao TSCĐ.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm máy tính, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán tài sản thuê tài chính**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng Cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Nguyên tắc kế toán bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của một hoặc nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí khai thác khoáng sản không được vốn hóa vào giá trị tài sản cố định vô hình và các khoản chi phí trả trước khác.

Các chi phí khai thác khoáng sản không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng mỏ và chi phí đền bù, xây dựng mỏ;
- Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá;
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp cho cơ quan Nhà nước địa phương nơi khai thác.

Chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng và chi phí đền bù, xây dựng mỏ

Các khoản chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng, đền bù và xây dựng cơ sở hạ tầng cho mỏ được ghi nhận là một khoản chi phí trả trước dài hạn dựa theo các chi phí thực tế phát sinh. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được phép khai thác mỏ.

Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá

Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá được ghi nhận là chi phí trả trước khi Công ty có thể tiếp cận được lớp đá mới để khai thác. Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai và chi phí phát sinh có thể được tính toán một cách đáng tin cậy. Chi phí này được phân bổ theo tỷ lệ sản lượng khai thác thực tế hàng năm so với tổng trữ lượng ước tính của mỏ.

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác nhân với đơn giá do UBND tỉnh nơi có mỏ khai thác công bố theo Nghị định số 2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính Phủ. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được ghi nhận là chi phí trả trước và phân bổ tỷ lệ sản lượng khai thác thực tế hàng năm so với tổng trữ lượng ước tính của mỏ.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa mỏ khai thác khoáng sản, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp theo từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và tại thời điểm chốt danh sách cổ đông của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi, cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt niên độ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm: sản xuất, kinh doanh bán hàng; thi công xây dựng, lắp đặt, duy tu công trình; cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ khác và chỉ hoạt động trong một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1. Tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	347.020.487	4.847.900.424
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	77.760.972.821	31.268.078.431
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	-
Cộng	83.107.993.308	36.115.978.855

5.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Trái phiếu				
Trái phiếu HNHC_17	120.000.000.000	120.000.000.000	-	-

Ngày 19 tháng 5 năm 2017, Công ty đã mua trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội với tổng giá trị là 120.000.000.000 VND bao gồm 120 trái phiếu, mệnh giá mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND, kỳ hạn trái phiếu là 5 năm (đáo hạn ngày 19 tháng 5 năm 2022) theo lãi suất thả nổi, 3 tháng điều chỉnh 1 lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dành cho cá nhân được công bố bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam + biên độ 3.2%/năm.

Ngày 21 tháng 1 năm 2020, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội đã thông báo mua lại trước hạn trái phiếu HNHC_17 mà Công ty đang nắm giữ. Đến ngày 28 tháng 2 năm 2020, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội đã hoàn tất thực hiện việc mua lại trái phiếu này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Bên liên quan	23.881.894.593	17.876.042.076
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	19.715.924.193	
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	2.890.141.274	1.776.435.012
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	800.132.936	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	475.696.190	475.696.190
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	-	9.046.562.015
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	-	6.566.016.332
Công ty CII	-	11.332.527
Các đối tượng khác	158.661.646.510	179.277.460.298
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	43.454.283.135	34.913.385.950
Công ty TNHH Xây dựng Nền móng Tam Đạt	31.176.752.667	20.248.462.667
Khác	84.030.610.708	124.115.611.681
Cộng	182.543.541.103	197.153.502.374

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Bên liên quan	-	35.550.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	-	35.550.000
Các đối tượng khác	111.501.870.062	143.141.023.675
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C	55.898.872.497	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 515	10.890.878.527	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Teracons	10.824.554.744	9.689.637.092
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	6.835.076.560	15.512.457.945
Công ty TNHH Bê tông Tiên Phong	-	37.529.165.800
Khác	27.052.487.734	70.409.762.838
Cộng	111.501.870.062	143.176.573.675

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Bên liên quan	284.848.840.774	274.786.185.185
Công ty CII (i)	284.848.840.774	274.786.185.185
Các đối tượng khác	156.641.943.155	279.000.551.190
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành (ii)	74.808.994.476	84.695.552.109
Công ty Cổ phần Pearl City	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Teracons	6.335.094.518	53.853.894.432
Đối tượng khác	45.497.854.161	140.451.104.649
Cộng	441.490.783.929	553.786.736.375

(i) Đây là khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 41/2016 ngày 21 tháng 10 năm 2016 và hợp đồng hợp tác kinh doanh số 302/2018/HĐ-CII ngày 2 tháng 7 năm 2018 nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh, tối ưu hóa nguồn lực tài chính với tổng hạn mức 500 tỷ VND và có lãi suất lần lượt là 10%/năm và 8,5%/năm.

(ii) Đây là khoản phải thu liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh số 08/HĐHT/2018 ngày 29 tháng 6 năm 2018 với Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành, hai bên thỏa thuận đảm bảo, đồng ý cho Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư Lâm Viên sử dụng số tiền ở tài khoản giao dịch chứng khoán với lãi suất 10,5%/năm. Thời hạn hợp đồng là 12 tháng và đã được gia hạn đến ngày 29 tháng 6 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.6. Phải thu khác**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng vốn cho các đội thi công, ban quản lý điều hành dự án	205.776.041.923	148.319.977.413
Phải thu về lãi trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	17.910.299.179	26.889.090.211
Phải thu người lao động	9.858.976.705	5.728.818.944
Lợi nhuận phải thu	7.286.588.612	-
Các khoản chi hộ	6.778.769.409	16.652.785.445
Góp vốn hợp tác kinh doanh	711.872.739	711.872.739
Ký cược, ký quỹ	338.223.999	6.350.974.087
Các khoản phải thu khác	2.906.941.260	10.894.476.266
	251.567.713.826	215.547.995.105
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	1.632.908.444	24.129.486.444
	1.632.908.444	24.129.486.444
Cộng	253.200.622.270	239.677.481.549
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan:</i>		
Phải thu lãi trái phiếu từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	7.733.333.334	7.566.666.667
Phải thu về lãi trái phiếu và chi phí sử dụng vốn từ Công ty CII	3.721.511.754	3.816.177.796
Cộng	11.454.845.088	11.382.844.463

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.501.065.131	-	(2.501.065.131)	314.546.980
Trả trước cho người bán ngắn hạn	787.642.437	60.498.669	(727.143.768)	-
Phải thu ngắn hạn khác	49.450.192.710	29.890.781.035	(19.559.411.675)	1.743.198.547
Cộng	52.738.900.278	29.951.279.704	(22.787.620.574)	314.546.980

5.8. Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	16.032.213.188	-	24.354.117.540	-
Công cụ, dụng cụ	61.050.772	-	168.514.775	-
Chi phí thi công các công trình xây dựng dở dang	539.393.945.115	-	622.614.169.795	-
Công trình thi công mở rộng Xa lộ Hà Nội	262.324.171.410	-	226.039.054.323	-
Công trình thi công đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	183.803.300.694	-	158.895.045.242	-
Công trình thi công hạ tầng, khu đô thị Thủ Thiêm	31.696.734.031	-	78.050.289.994	-
Công trình thi công xây dựng đoạn 1 - Quốc lộ 60	8.399.926.986	-	18.834.155.739	-
Các công trình khác	53.169.811.994	-	140.795.624.497	-
Chi phí sản xuất sản phẩm dở dang	35.243.103.974	-	41.568.519.019	-
Thành phẩm	13.723.011.739	-	23.736.297.992	-
Hàng hóa	18.515.363.233	-	23.624.437.342	-
Cộng	622.968.688.021	-	736.066.056.463	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.9. Chi phí trả trước**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	666.734.486	323.213.299
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	377.417.665
Chi phí khác chờ phân bổ	416.906.070	360.605.377
	1.083.640.556	1.061.236.341
b. Dài hạn		
Chi phí đền bù, trùng tu và chi phí cấp quyền khai thác mỏ khoáng sản	11.000.648.318	8.832.550.035
Chi phí san lấp mặt bằng và làm đường công vụ phục vụ dự án	8.128.279.265	18.828.418.060
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	634.737.142	5.440.297.636
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	237.756.061	566.604.915
Chi phí khác chờ phân bổ	1.225.539.865	5.260.355.569
	21.226.960.651	38.928.226.215
Cộng	22.310.601.207	39.989.462.556

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2019	39.332.997.879	82.362.387.140	24.586.380.576	1.777.331.227	148.059.096.822
Mua trong năm	-	231.500.000	1.299.272.727	-	1.530.772.727
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	25.518.474.347	-	-	25.518.474.347
Thanh lý, nhượng bán trong năm	-	(20.416.188.507)	(4.778.122.673)	-	(25.194.311.180)
Giảm do thanh lý công ty con	(29.276.707.484)	(30.066.328.301)	(5.546.447.372)	(303.439.500)	(65.192.922.657)
Tại ngày 31/12/2019	10.056.290.395	57.629.844.679	15.561.083.258	1.473.891.727	84.721.110.059
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2019	9.531.754.087	49.642.812.965	13.136.470.363	1.199.568.697	73.510.606.112
Khấu hao trong năm	1.206.736.334	6.117.785.410	2.712.963.890	231.743.332	10.269.228.966
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	8.907.331.597	-	-	8.907.331.597
Thanh lý, nhượng bán trong năm	-	(7.548.718.499)	(3.426.792.723)	-	(10.975.511.222)
Giảm do thanh lý công ty con	(3.254.007.261)	(15.843.400.804)	(2.046.241.541)	(208.907.528)	(21.352.557.134)
Tại ngày 31/12/2019	7.484.483.160	41.275.810.669	10.376.399.989	1.222.404.501	60.359.098.319
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2019	29.801.243.792	32.719.574.175	11.449.910.213	577.762.530	74.548.490.710
Tại ngày 31/12/2019	2.571.807.235	16.354.034.010	5.184.683.269	251.487.226	24.362.011.740

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.10. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)****Thông tin bổ sung cho khoản mục tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 34.077.491.029 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 là 33.467.875.134 VND).

Công ty đã sử dụng một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng. Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản được thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 lần lượt là 28.792.085.802 VND và 7.207.905.495 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 lần lượt là 75.722.161.223 VND và 53.031.611.044 VND). (Chi tiết xem tại thuyết minh số 5.21)

5.11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2019	26.321.636.347
Thuê tài chính trong năm	1.140.909.091
Mua lại tài sản thuê tài chính	(25.421.636.347)
Tại ngày 31/12/2019	<u>2.040.909.091</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2019	6.835.448.394
Khấu hao trong năm	2.316.958.940
Mua lại tài sản thuê tài chính	(8.907.331.597)
Tại ngày 31/12/2019	<u>245.075.737</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2019	19.486.187.953
Tại ngày 31/12/2019	<u>1.795.833.354</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2019	7.828.531.506	939.000.000	8.767.531.506
Giảm do thanh lý công ty con	(7.728.531.506)	(420.000.000)	(8.148.531.506)
Tại ngày 31/12/2019	100.000.000	519.000.000	619.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2019	877.630.231	254.359.848	1.131.990.079
Khấu hao trong năm	152.587.899	181.380.954	333.968.853
Giảm do thanh lý công ty con	(930.218.130)	(154.620.656)	(1.084.838.786)
Tại ngày 31/12/2019	100.000.000	281.120.146	381.120.146
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2019	6.950.901.275	684.640.152	7.635.541.427
Tại ngày 31/12/2019	-	237.879.854	237.879.854

Thông tin bổ sung cho khoản mục tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31 tháng 12 năm 2019 là 260.000.000 VND (tại 1 tháng 1 năm 2019 là 60.000.000 VND).

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.13. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2019	5.836.987.368
Tại ngày 31/12/2019	<u>5.836.987.368</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2019	839.830.635
Tại ngày 31/12/2019	<u>839.830.635</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2019	4.997.156.733
Tại ngày 31/12/2019	<u>4.997.156.733</u>

Thông tin bổ sung cho khoản mục bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là lô đất chờ tăng giá tại địa chỉ số 29/3, đường D2, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay đổi tên là đường Nguyễn Gia Trí). Lô đất có thời hạn sử dụng 50 năm, sẽ hết thời gian sử dụng vào ngày 19 tháng 1 năm 2056 theo Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2010 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị quyền sử dụng đất đã được được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vĩnh Long (*Chi tiết xem tại thuyết minh số 5.21*).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, căn cứ vào giá thị trường của những tài sản tương đương và vị trí địa lý của lô đất mà Công ty đang sở hữu, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của tài sản vào ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.14. Thuế thu nhập hoãn lại**

	Dự phòng đầu tư tài chính	Các khoản lãi/(lỗ) chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất	Cộng
	VND	VND	VND
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
Tại ngày 01/01/2018	-	2.240.322.516	2.240.322.516
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	-	(176.794.600)	(176.794.600)
Tại ngày 01/01/2019	-	2.417.117.116	2.417.117.116
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	-	24.043.384	24.043.384
Tại ngày 31/12/2019	-	2.393.073.732	2.393.073.732
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
Tại ngày 01/01/2018	-	94.274.268	94.274.268
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	-	44.382.279	44.382.279
Tại ngày 01/01/2019	-	49.891.989	49.891.989
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(2.000.000.000)	38.692.837	(1.961.307.163)
Tại ngày 31/12/2019	2.000.000.000	11.199.152	2.011.199.152
Chi phí thuần ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm			1.985.350.547

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.15. Lợi thế thương mại**

	Giá trị ghi sổ VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2019	44.941.615.175
Tại ngày 31/12/2019	<u>44.941.615.175</u>
HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2019	15.729.565.311
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	4.494.161.518
Tại ngày 31/12/2019	<u>20.223.726.829</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2019	29.212.049.864
Tại ngày 31/12/2019	<u>24.717.888.346</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	5.548.191.100	5.548.191.100	5.273.845.000	5.273.845.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	548.191.100	548.191.100	273.845.000	273.845.000
Đối tượng khác	158.026.738.979	158.026.738.979	265.481.084.813	265.481.084.813
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Phú Thành	20.305.367.451	20.305.367.451	66.998.681.427	66.998.681.427
Công ty Cổ phần Bê tông Ly Tâm Thủ Đức 1	12.787.602.549	12.787.602.549	13.587.602.549	13.587.602.549
Công ty Cổ phần Bê tông Ly Tâm Thủ Đức - Long An	12.054.053.350	12.054.053.350	12.354.053.350	12.354.053.350
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	10.012.726.949	10.012.726.949	3.887.092.924	3.887.092.924
Công ty Cổ phần ROADCO	9.398.870.084	9.398.870.084	17.470.190.050	17.470.190.050
Khác	93.468.118.596	93.468.118.596	151.183.464.513	151.183.464.513
Cộng	163.574.930.079	163.574.930.079	270.754.929.813	270.754.929.813

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Bên liên quan	467.992.740.736	369.288.312.269
Công ty Cổ Phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	272.267.900.969	17.574.825.800
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	150.905.458.937	180.983.494.978
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	25.755.315.918	96.997.394.009
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	13.445.460.864	13.445.460.864
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	5.256.256.156	53.300.942.952
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	362.347.892	362.347.892
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	6.623.845.774
Các đối tượng khác	504.323.452	64.454.418.293
Cộng	468.497.064.188	433.742.730.562

5.18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	540.546.835	4.275.296.369	2.918.124.867	1.897.718.337
Thuế TNDN	15.677.730.146	2.402.721.115	17.261.643.974	818.807.287
Thuế TNCN	1.420.914.003	2.568.728.156	2.151.559.062	1.838.083.097
Thuế tài nguyên	1.157.827.701	3.871.384.058	2.309.195.565	2.720.016.194
Các khoản khác	1.155.003.229	2.160.294.181	1.700.529.368	1.614.768.042
Cộng	19.952.021.914	15.278.423.879	26.341.052.836	8.889.392.957

5.19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trích trước chi phí công trình	12.106.084.006	4.161.127.515
Chi phí lãi vay phải trả	1.975.031.551	1.934.625.448
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh khác	1.093.500.000	587.777.778
Cộng	15.174.615.557	6.683.530.741

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Các khoản thu hộ	27.568.702.172	19.785.780.485
Phải trả các đội thi công	3.491.685.868	11.655.588.080
Phải trả về gốc và lãi hỗ trợ kinh doanh	1.304.121.110	3.379.338.472
Bảo hiểm xã hội	598.836.706	802.481.698
Phải trả về mua cổ phần	410.000.000	410.000.000
Kinh phí công đoàn	189.423.862	347.143.640
Bảo hiểm y tế	-	115.075.309
Bảo hiểm thất nghiệp	-	23.970.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác	635.838.897	798.555.424
Cộng	34.198.608.615	37.317.933.708
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan:</i>		
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.184.666.666	203.608.333
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	838.356.164
Cộng	1.184.666.666	1.041.964.497

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.21. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2019		Phát sinh trong năm		01/01/2019	
	Nợ gốc	Số có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay ngắn hạn						
Các khoản vay ngân hàng						
Ngân hàng BIDV - CN Vĩnh Long	212.397.032.591	212.397.032.591	229.842.091.564	299.591.420.701	282.146.361.728	282.146.361.728
Ngân hàng HD Bank - Trung tâm Kinh doanh	150.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng BIDV - CN Quảng Ngãi	11.691.231.055	11.691.231.055	28.791.312.067	28.797.574.719	11.697.493.707	11.697.493.707
Ngân hàng VCB - CN TP. Hồ Chí Minh	-	-	44.528.300.000	114.424.300.263	69.896.000.263	69.896.000.263
Ngân hàng BIDV - CN Tây Sài Gòn	-	-	102.321.332.127	147.311.409.252	44.990.077.125	44.990.077.125
Ngân hàng Vietinbank - CN 11, TP. Hồ Chí Minh	-	-	94.823.897.000	100.979.677.625	6.155.780.625	6.155.780.625
Ngân hàng MBBank - CN Đông Sài Gòn	-	-	1.600.000.000	4.200.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Nam Sài Gòn	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
	374.088.263.646	374.088.263.646	671.906.932.758	715.304.382.560	417.485.713.448	417.485.713.448

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.21. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

	31/12/2019		Phát sinh trong năm		01/01/2019	
	Nợ gốc VND	Số có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Số có khả năng thanh toán VND
a. Vay ngắn hạn (tiếp theo)						
Các khoản vay khác						
Các khoản vay các bên liên quan	8.000.000.000	8.000.000.000	72.872.302.574	218.687.292.970	153.814.990.396	153.814.990.396
Các khoản vay cá nhân ngắn hạn	125.901.690.000	125.901.690.000	16.070.000.000	16.070.000.000	125.901.690.000	125.901.690.000
	133.901.690.000	133.901.690.000	88.942.302.574	234.757.292.970	279.716.680.396	279.716.680.396
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả						
<i>(xem Thuyết minh b)</i>	254.998.861.716	254.998.861.716			4.734.255.228	4.734.255.228
Cộng các khoản vay ngắn hạn	762.988.815.362	762.988.815.362			701.936.649.072	701.936.649.072

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.21. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

	31/12/2019		Phát sinh trong năm		01/01/2019	
	Nợ gốc VND	Số có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Số có khả năng thanh toán VND
b. Vay dài hạn						
Các khoản vay khác						
Các khoản vay cá nhân dài hạn	272.324.076.000	272.324.076.000	18.887.500.000	-	253.436.576.000	253.436.576.000
Nợ thuê tài chính dài hạn						
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST	1.213.179.043	1.213.179.043	1.140.909.091	634.223.554	706.493.506	706.493.506
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc Tế Việt Nam	-	-	-	9.277.803.753	9.277.803.753	9.277.803.753
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(254.998.861.716)	(254.998.861.716)			(4.734.255.228)	(4.734.255.228)
Cộng các khoản vay dài hạn	18.538.393.327	18.538.393.327			258.686.618.031	258.686.618.031
Cộng các khoản vay và nợ thuê tài chính	781.527.208.689	781.527.208.689			960.623.267.103	707.186.691.103

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.21. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

	31/12/2019		Phát sinh trong năm		01/01/2019	
	Nợ gốc	Số có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Trong đó, số dư nợ vay các bên liên quan:</i>						
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	8.000.000.000	8.000.000.000	22.000.000.000	19.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương- Mỹ Thuận	-	-	27.650.384.766	156.465.375.162	128.814.990.396	128.814.990.396
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	-	1.221.917.808	21.221.917.808	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty CII	-	-	22.000.000.000	22.000.000.000	-	-
Cộng	8.000.000.000	8.000.000.000	72.872.302.574	218.687.292.970	153.814.990.396	153.814.990.396

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.21. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)***Thông tin bổ sung cho các khoản vay và nợ thuê tài chính*

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo và các thông tin khác
Ngân hàng Ngân hàng BIDV - CN Vĩnh Long	212.397.032.591	8 tháng	7,9 - 8,6%	Bổ sung vốn lưu động.	- Quyền sử dụng đất tại số 29/3, đường D2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh (nay đổi tên là đường Nguyễn Gia Trí); - Hệ thống đúc hẫng; - Xe ô tô Toyota Camry 51F-827.78; - Xe ô tô Toyota Land Cruiser 51G-337.79; - Quyền đòi nợ các khoản phải thu đã thế chấp với ngân hàng;
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm Kinh doanh	150.000.000.000	12 tháng	10,0%	Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội thực hiện dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1.	- 30.000.000 cổ phiếu LGC do Công ty mẹ (CII) sở hữu; - Trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội phát hành ngày 19/05/2017 cho Công ty CII E&C trị giá 120 tỷ đồng.
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Quảng Ngãi	11.691.231.055	12 tháng	7,0%	Bổ sung vốn lưu động.	15.000.000 cổ phiếu LGC do Công ty mẹ (CII) sở hữu.
					Nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn và quyền khai thác đá tại mỏ Thọ Bắc, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.21. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)***Thông tin bổ sung cho các khoản vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)*

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo và các thông tin khác
<u>Ngắn hạn</u>					
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	8.000.000.000	12 tháng	9,22 - 9,35%	Bổ sung vốn thi công công trình xây dựng mở rộng QL60 - Bến Tre.	Vay tín chấp.
Các khoản vay các cá nhân	125.901.690.000	12 tháng	8,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Vay tín chấp.
<u>Dài hạn</u>					
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - CN Đà Nẵng	1.213.179.043	36 tháng	8,5%	Thuê tài chính.	Giá trị khoản đặt cọc cho khoản thuê tài chính là 112.750.000 VND. Sau khi kết thúc hợp đồng Công ty sẽ mua lại toàn bộ thiết bị với giá mua lại là 1.000.000 VND.
Các khoản vay các cá nhân	272.324.076.000	24 tháng	8,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Vay tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.21. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	254.998.861.716	4.484.904.576
Trong năm thứ hai	18.538.393.327	258.686.618.031
	273.537.255.043	263.171.522.607
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(254.998.861.716)	(4.484.904.576)
Cộng	18.538.393.327	258.686.618.031

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2018	415.000.000.000	400.000.000	-	7.099.220.906	87.970.101.299	181.214.860	510.650.537.065
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	4.169.299.928	15.523.274	4.184.823.202
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(39.818.367.279)	-	-	-	(39.818.367.279)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(21.000.000)	(21.000.000)
Thù lao cho Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(295.673.976)	-	(295.673.976)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.658.634.779)	-	(4.658.634.779)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.778.986.667	(1.778.986.667)	-	-
Tại ngày 01/01/2019	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	8.878.207.573	85.406.105.805	175.738.134	470.041.684.233
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(63.758.727.602)	635.418	(63.758.092.184)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(18.000.000)	(18.000.000)
Thù lao cho Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(584.688.214)	(343.721)	(585.031.935)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.015.613.861	(1.015.613.861)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.473.970.361)	(1.772.451)	(1,475,742,812)
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(89.378.500)	166.262	(166.262)	(89,378,500)
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	-	(2.136.750.878)	2.146.260.335	(156.091.118)	(146,581,661)
Tại ngày 31/12/2019	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	7.667.692.056	20.719.532.364	-	403.968.857.141

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.22. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tên cổ đông	31/12/2019		01/01/2019	
	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND
Công ty CII	66,99%	264.593.920.000	54,97%	217.151.120.000
Các cổ đông khác	33,01%	130.406.080.000	45,03%	177.848.880.000
Cộng	100%	395.000.000.000	100%	395.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	41.500.000	41.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.000.000	2.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.500.000	39.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	39.500.000	39.500.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

d. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 22 tháng 4 năm 2019, phương án chi trả cổ tức năm 2017 đã được phê duyệt tại Đại hội cổ đông trước với giá trị là 20.750.000.000 VND đã bị hủy bỏ. Bên cạnh đó, cổ tức năm 2018 tạm thời không chi trả và toàn bộ lợi nhuận của năm 2018 được giữ lại nhằm bổ sung vốn chủ sở hữu phục vụ hoạt động kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.23. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	529.851.217.803	918.069.472.770
Doanh thu bán hàng	148.807.330.740	232.689.702.074
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.610.076.019	33.025.672.586
Doanh thu khác	1.274.157.873	-
	684.542.782.435	1.183.784.847.430
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán trả lại	-	(44.707.349)
Doanh thu thuần	684.542.782.435	1.183.740.140.081

Trong đó, doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan:

Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu: <i>Khối lượng thi công dự án Quốc lộ 60</i>	129.590.801.438	183.798.457.091
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm: <i>Khối lượng thi công dự án Thủ Thiêm</i>	103.663.874.069	421.010.402.718
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy: <i>Bán hàng và thi công công trình</i>	88.585.077.553	-
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận: <i>thi công các gói thầu dự án Trung Lương Mỹ Thuận</i>	83.678.048.182	58.824.976.364
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội: <i>Khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội</i>	25.149.982.901	152.795.750.794
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG: <i>Khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án DT741</i>	20.249.204.742	7.468.968.330
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII: <i>Bán hàng và thi công công trình</i>	2.499.737.606	4.647.202.461
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu: <i>Khối lượng thi công dự án Cầu Ông Dầu</i>	-	4.099.084.461
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng tỉnh Ninh Thuận: <i>Khối lượng thi công dự án Ninh Thuận</i>	-	(1.493.306.260)
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận: <i>Điều chỉnh giảm khối lượng thi công dự án mở rộng tuyến tránh Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận - giai đoạn 2 và trạm thu phí Cà Ná</i>	(683.458.382)	(8.229.800.195)
Cộng	452.733.268.109	822.921.735.764

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn từ hoạt động xây dựng	490.851.963.153	868.354.112.270
Giá vốn hàng đã bán	147.176.272.799	208.069.856.672
Giá vốn của dịch vụ	2.254.799.167	11.597.588.381
Giá vốn khác	69.123.976	-
Cộng	640.352.159.095	1.088.021.557.323

5.25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay và trái phiếu	57.169.138.050	57.285.306.001
Doanh thu tài chính khác	72.580.000	-
Cộng	57.241.718.050	57.285.306.001

Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh với các bên liên quan:

Công ty CII: Lãi cho vay và trái phiếu	26.108.899.805	25.483.678.153
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ	12.166.666.667	12.166.666.667
Hà Nội: Lãi trái phiếu		
Cộng	38.275.566.472	37.650.344.820

5.26. Chi phí tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay và nợ thuê tài chính	81.745.183.886	69.019.864.514
Lỗ chuyển nhượng, thanh lý công ty con	12.257.092.449	-
Phí cam kết rút vốn vay	2.750.000.000	-
Chi phí tài chính khác	7.753.983	13.074.767
Cộng	96.760.030.318	69.032.939.281

Trong đó, chi phí tài chính phát sinh với các bên liên quan:

Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	3.219.310.262	7.097.290.196
Công ty CII	1.816.036.205	8.224.754.963
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.206.193.056	248.655.555
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	383.561.644	838.356.164
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	194.684.932	-
Cộng	6.819.786.099	16.409.056.878

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.27. Chi phí bán hàng**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên	793.790.599	1.021.596.895
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.186.022.762	3.446.428.113
Chi phí bằng tiền khác	476.900.443	627.993.070
Cộng	3.456.713.804	5.096.018.078

5.28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	19.297.088.105	29.548.114.109
Chi phí vật liệu quản lý	-	12.460.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.816.495.608	1.171.138.056
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.453.939.359	1.454.387.151
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	74.100.128
Chi phí dự phòng	18.124.094.433	51.965.484
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.248.711.477	11.496.385.643
Chi phí bằng tiền khác	1.829.739.040	3.734.887.430
Phân bổ lợi thế thương mại	4.494.161.518	4.494.161.517
Cộng	52.268.229.540	52.037.599.518

Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh với các bên liên quan:

Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa Ốc Lữ Gia	594.177.882	828.827.482
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	38.800.000	-
Cộng	632.977.882	828.827.482

5.29. Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	82.819.366
Các khoản thu nhập khác	129.216.571	442.675.934
Cộng	129.216.571	525.495.300

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.30. Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thiết kế, thi công văn phòng cũ	2.938.696.999	-
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	1.965.222.830	-
Các khoản phạt vi phạm hành chính và chậm nộp trong lĩnh vực thuế, bảo hiểm	1.417.428.236	2.078.462.771
Xử lý khoản chi phí đầu tư xây dựng dở dang	-	649.993.093
Các khoản chi phí khác	1.424.697.416	859.966.902
Cộng	7.746.045.481	3.588.422.766
<i>Trong đó, chi phí khác phát sinh với các bên liên quan:</i>		
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	50.000.000	-

5.31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(58.669.461.182)	23.774.404.416
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chi phí không được trừ	11.372.486.580	52.890.095.560
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	(91.393.370)
Lợi thế thương mại phân bổ	4.494.161.518	4.494.161.517
Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện từ giao dịch nội bộ bị loại trừ khi hợp nhất	29.818.677.047	1.105.884.395
Các khoản lỗ tính thuế bị bù trừ khi hợp nhất	20.525.096.730	-
Thu nhập tính thuế	7.540.960.693	82.173.152.518
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	1.508.192.139	16.434.630.504
Thuế TNDN năm trước nộp bổ sung	1.595.088.316	3.376.127.589
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.103.280.455	19.810.758.093

Tháng 12 năm 2019, Chính Phủ đã công bố dự thảo sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 8 của NĐ 20/2017/NĐ-CP (“NĐ 20”) ban hành ngày 24 tháng 2 năm 2017 của Chính Phủ về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết và áp dụng cho năm tài chính 2019. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nghiên cứu các bất cập của NĐ 20, các ý kiến chỉ đạo của Chính Phủ và qua các phương tiện thông tin đại chúng, Công ty tin tưởng rằng dự thảo sửa đổi chắc chắn sẽ được thông qua. Do đó, Công ty quyết định áp dụng điều khoản sửa đổi này khi xác định lãi vay được trừ khi quyết toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	182.086.730.676	584.825.068.699
Giá mua hàng hóa	80.944.494.502	63.732.128.031
Chi phí nhân công	61.272.763.835	105.187.068.468
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.476.100.699	16.711.831.757
Chi phí dự phòng	18.124.094.433	264.108.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	427.956.099.271	732.158.878.799
Chi phí bằng tiền khác	18.328.424.719	16.098.311.981
Cộng	807.188.708.135	1.518.977.396.235

5.33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	(63.758.727.602)	4.169.299.928
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(611.089.392)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	(63.758.727.602)	3.558.210.536
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	39.500.000	40.260.001
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.614)	88

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm trước đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 để phản ánh quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2019.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Số tiền vay thực nhận trong năm		
Tiền vay ngân hàng, tổ chức và cá nhân khác theo kế ước thông thường	640.764.102.758	1.202.550.704.473
Tiền vay các bên liên quan của Công ty trong tập đoàn	72.872.302.574	676.350.928.458
Cộng	713.636.405.332	1.878.901.632.931
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Trả nợ gốc vay ngân hàng, tổ chức và cá nhân khác theo kế ước thông thường	565.200.177.525	1.083.914.101.898
Trả nợ gốc vay các bên liên quan của Công ty trong tập đoàn	218.687.292.970	522.535.938.062
Cộng	783.887.470.495	1.606.450.039.960

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Báo cáo bộ phận

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 3 bộ phận như sau: hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng; hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình; cung cấp dịch vụ. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng: sản xuất kinh doanh cần đèn, trụ đèn, trụ điện lực, thiết bị điện; khai thác khoáng sản (đất, đá) và bán vật tư xây dựng.
- Hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình: thi công công trình xây dựng, cầu đường, hạ tầng và lắp đặt thiết bị các công trình chiếu sáng, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ: cho thuê mặt bằng, kho bãi và cho thuê tài sản, thiết bị.
- Hoạt động khác: thanh lý vật tư và công cụ, dụng cụ.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 4 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****7.1 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

	Sản xuất, kinh doanh bán VND	Thi công, lắp đặt, duy tu công trình VND	Cho thuê tài sản và dịch vụ khác VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần						
Doanh thu phát sinh ra bên ngoài	148.807.330.740	529.851.217.803	4.610.076.019	1.274.157.873	-	684.542.782.435
Doanh thu phát sinh giữa các bộ phận	12.311.164.606	38.048.952.480	2.765.100.000	-	(53.125.217.086)	-
Cộng	161.118.495.346	567.900.170.283	7.375.176.019	1.274.157.873	(53.125.217.086)	684.542.782.435
Giá vốn						
Giá vốn phát sinh ra bên ngoài	147.176.272.799	490.851.963.153	2.254.799.167	69.123.976	-	640.352.159.095
Giá vốn phát sinh giữa các bộ phận	13.278.270.765	38.094.092.656	1.689.973.826	-	(53.062.337.247)	-
Cộng	160.454.543.564	528.946.055.809	3.944.772.993	69.123.976	(53.062.337.247)	640.352.159.095
Lợi nhuận gộp bộ phận	663.951.782	38.954.114.474	3.430.403.026	1.205.033.897	(62.879.839)	44.190.623.340
Doanh thu hoạt động tài chính						57.241.718.050
Chi phí tài chính						96.760.030.318
Chi phí bán hàng						3.456.713.804
Chi phí quản lý doanh nghiệp						52.268.229.540
Thu nhập khác						129.216.571
Chi phí khác						7.746.045.481
Chi phí thuế TNDN hiện hành						3.103.280.455
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại						1.985.350.547
Tổng lợi nhuận sau thuế						(63.758.092.184)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HÀ TẶNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN/HN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.1 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

	Sản xuất, kinh doanh bán VND	Thi công, lắp đặt, duy tu công trình VND	Cho thuê tài sản và dịch vụ khác VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần						
Doanh thu phát sinh ra bên ngoài	232.644.994.725	918.069.472.770	33.025.672.586	-	-	1.183.740.140.081
Doanh thu phát sinh giữa các bộ phận	234.764.079.128	93.822.412.908	5.474.442.953	-	(334.060.934.989)	-
Cộng	467.409.073.853	1.011.891.885.678	38.500.115.539	-	(334.060.934.989)	1.183.740.140.081
Giá vốn						
Giá vốn phát sinh ra bên ngoài	208.069.856.672	868.354.112.270	11.597.588.381	-	-	1.088.021.557.323
Giá vốn phát sinh giữa các bộ phận	249.309.959.823	79.334.509.895	-	-	(328.644.469.718)	-
Cộng	457.379.816.495	947.688.622.165	11.597.588.381	-	(328.644.469.718)	1.088.021.557.323
Lợi nhuận gộp bộ phận	10.029.257.358	64.203.263.513	26.902.527.158	-	(5.416.465.271)	95.718.582.758
Doanh thu hoạt động tài chính						57.285.306.001
Chi phí tài chính						69.032.939.281
Chi phí bán hàng						5.096.018.078
Chi phí quản lý doanh nghiệp						52.037.599.518
Thu nhập khác						525.495.300
Chi phí khác						3.588.422.766
Chi phí thuế TNDN hiện hành						19.810.758.093
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại						(221.176.879)
Tổng lợi nhuận sau thuế						4.184.823.202

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2 Giao dịch với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CII")	Công ty mẹ
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Dịch Vụ MCSC	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	Công ty liên doanh của tập đoàn

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty còn có các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Công ty CII		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	551.620.000.000	1.381.491.506.849
Hoàn trả tiền nhận hỗ trợ vốn	311.459.902.018	893.237.868.587
Thanh toán chi phí sử dụng vốn	990.103.676	2.762.131.413
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	655.267.994.306	724.904.635.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	380.914.270.694	186.000.000.000
Lãi hợp tác đầu tư nhập gốc	677.902.468	-
Công ty mẹ thanh toán chi phí sử dụng vốn	20.960.051.798	26.560.998.389
Lãi trái phiếu nhận được trong năm	965.465.753	-
Cổ tức đã trả cho công ty mẹ trong năm	-	21.165.112.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
Chuyển vốn hợp tác đầu tư	200.000.000.000	-
Thu hồi vốn hợp tác đầu tư	200.000.000.000	-
Thu lãi trái phiếu	12.000.000.000	12.166.666.667
Thu tiền khối lượng thi công xây lắp	2.000.000.000	107.983.557.569
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận		
Thu tiền khối lượng thi công các công trình	7.395.018.934	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN/HN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2 Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Nhận thanh toán mua vật tư và thi công công trình	48.035.800.668	410.799.517.429
Chuyển trả tiền dư	-	2.674.063.052
Nhận tiền hỗ trợ vốn	-	20.000.000.000
Lãi tiền nhận hỗ trợ vốn nhập gốc	1.221.917.808	-
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng VRG		
Thu tiền thi công dự án DT 741	21.160.418.954	8.101.701.606
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
Thu tiền thi công dự án Quốc lộ 60	116.210.111.614	187.014.602.569
Thu hộ tiền thi công dự án Quốc lộ 60 cho các bên liên doanh	38.144.804.582	65.972.812.150
Tiền đi vay nhận được trong năm	22.000.000.000	12.000.000.000
Chuyển trả lại tiền vay trong năm	19.000.000.000	7.000.000.000
Lãi vay đã thanh toán trong năm	225.134.723	45.047.222
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận		
Tiền đi vay nhận được trong năm	25.000.000.000	149.000.000.000
Chuyển trả lại tiền vay trong năm	25.484.965.262	1.337.883.000
Lãi đi vay nhập vào nợ gốc vay	2.650.384.766	7.097.290.196
Cán trừ tiền thi công vào nợ gốc vay	130.980.409.900	25.944.416.800
Tiền thi công dự án nhận được trong năm	215.758.518.269	56.337.883.000
Lãi vay đã thanh toán trong năm	568.925.496	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy		
Thu tiền thi công dự án và bán vật tư	109.234.533.096	53.239.016.756
Tiền đi vay nhận được trong năm	9.500.000.000	-
Chuyển trả lại tiền vay trong năm	9.500.000.000	-
Lãi vay đã trả trong năm	194.684.932	-
Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm:		
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lương và các khoản thu nhập khác	963.041.095	2.147.868.117

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.3 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	781.577.208.689	961.919.467.103
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(83.107.993.308)	(36.115.978.855)
Nợ thuần	698.469.215.381	925.803.488.248
Vốn chủ sở hữu	403.968.857.141	470.041.684.233
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	173%	197%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.3 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	83.107.993.308	36.115.978.855
Phải thu khách hàng	180.042.475.972	194.388.328.743
Phải thu về cho vay	441.490.783.929	553.786.736.375
Phải thu khác	34.675.768.936	88.367.480.038
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120.000.000.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	120.000.000.000
Cộng	859.317.022.145	992.658.524.011
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	781.577.208.689	961.919.467.103
Phải trả người bán	163.574.930.079	270.754.929.813
Các khoản phải trả khác	34.148.608.615	36.021.733.708
Chi phí phải trả	15.174.615.557	6.683.530.741
Cộng	994.475.362.940	1.275.379.661.365

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.3 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****7.3 Công cụ tài chính (tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	763.038.815.362	18.538.393.327	-	781.577.208.689
Phải trả người bán	163.574.930.079	-	-	163.574.930.079
Các khoản phải trả khác	34.148.608.615	-	-	34.148.608.615
Chi phí phải trả	15.174.615.557	-	-	15.174.615.557
Cộng	975.936.969.613	18.538.393.327	-	994.475.362.940
Tại ngày 01/01/2019				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	703.232.849.072	258.686.618.031	-	961.919.467.103
Phải trả người bán	270.754.929.813	-	-	270.754.929.813
Các khoản phải trả khác	36.021.733.708	-	-	36.021.733.708
Chi phí phải trả	6.683.530.741	-	-	6.683.530.741
Cộng	1.016.693.043.334	258.686.618.031	-	1.275.379.661.365

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****7.3 Công cụ tài chính (tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	83.107.993.308	-	-	83.107.993.308
Phải thu khách hàng	180.042.475.972	-	-	180.042.475.972
Phải thu về cho vay	441.490.783.929	-	-	441.490.783.929
Phải thu khác	33.042.860.492	1.632.908.444	-	34.675.768.936
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120.000.000.000	-	-	120.000.000.000
Cộng	857.684.113.701	1.632.908.444	-	859.317.022.145
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.115.978.855	-	-	36.115.978.855
Phải thu khách hàng	194.388.328.743	-	-	194.388.328.743
Phải thu về cho vay	553.786.736.375	-	-	553.786.736.375
Phải thu khác	64.237.993.594	24.129.486.444	-	88.367.480.038
Đầu tư tài chính dài hạn	-	120.000.000.000	-	120.000.000.000
Cộng	848.529.037.567	144.129.486.444	-	992.658.524.011

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.4 Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 21 tháng 1 năm 2020, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội đã thông báo mua lại trước hạn trái phiếu HNHC_17 mà Công ty đang nắm giữ (đáo hạn ngày 19 tháng 5 năm 2022) với giá trị 120 tỷ VND. Đến ngày 28 tháng 2 năm 2020, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội đã hoàn tất thực hiện việc mua lại trái phiếu này.

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

7.5 Cơ sở hoạt động liên tục

Với tình hình tài chính hiện tại, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng chắc chắn rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tới. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

7.6 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc



Phùng Văn Hiền